

Số: 11 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm tài chính 2020 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS), người quản lý chuyên trách khác của Công ty năm tài chính 2020 và đề xuất thù lao năm tài chính 2021, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch tiền lương Người quản lý chuyên trách năm 2020:

Stt	Chức danh	Số người	Tiền lương bình quân kế hoạch (Triệu đồng /tháng)	Tổng tiền lương (Triệu đồng /năm)
1	Giám đốc	1	44,46	533,50
2	Trưởng ban kiểm soát	1	41,21	494,50
3	Phó giám đốc	3	39,42	1.419,00
	Tổng cộng	5		2.447,00

2. Thực hiện năm 2020:

2.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Số người	Kế hoạch mức chi năm 2020 (Triệu đồng/năm)	Thực hiện năm 2020 (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,68	61,68
2	Ủy viên HĐQT	04	210,24	210,24
3	Ủy viên BKS	02	105,12	105,12
	Tổng cộng	07	377,04	377,04

2.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương bình quân kế hoạch điều chỉnh (Triệu đồng/tháng)	Tiền lương bình quân thực hiện (Triệu đồng/tháng)	Tổng tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	44,46	44,46	533,50
2	Nguyễn Thị Lan Anh	TBKS	41,21	41,21	494,50
3	Phạm Minh	Phó giám đốc	39,42	39,42	473,00
4	Nguyễn Thùy Dương	Phó giám đốc	39,42	39,42	473,00
5	Lê Thị Thu Trang	Phó giám đốc	39,42	39,42	473,00
	Tổng cộng				2.447,00

3. Kế hoạch năm 2021:

3.1. Kế hoạch mức chi thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Tiền lương tháng (Triệu đồng/tháng)	Số người	Tỷ lệ chi tối đa	Thù lao tháng (Triệu đồng/tháng)	Thực hiện năm 2021 (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	25,70	01	20%	5,14	61,68
2	Ủy viên HĐQT	21,90	04	20%	17,52	210,24
3	Ủy viên BKS	21,90	02	20%	8,76	105,12
	Tổng cộng		07		31,42	377,04

Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS được tính theo công việc, được trả tối đa bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách tương đương.

Phương thức chi: Hàng tháng tạm ứng 80% mức thù lao được chi, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Ghi chú: Mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách áp dụng theo Phụ lục 04-Doanh nghiệp hạng I nhóm II, ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV).

3.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch tiền lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	Tổng quỹ tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Giám đốc	1	32,08	385
2	Trưởng ban kiểm soát	1	29,75	357
3	Phó giám đốc	3	28,50	1026
	Tổng cộng	5		1.768

Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách tính theo số lượng người và thời gian làm việc thực tế trong năm.

Trong trường hợp Nhà nước thay đổi chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm đối với các thành viên HĐQT và BKS thì ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền HĐQT quyết định và báo cáo lại ĐHĐCĐ thường niên kỳ họp sau.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hùng